

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **483/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/11/2022.

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Huệ;
2. Ông Lê Trung Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thùy Dương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 403/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 405/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 307/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lưu Vĩnh T**, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: Khóm Vĩnh Hưng, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Dương Thị C**, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: Ấp Bình Thới, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2022, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lưu Vĩnh T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Dương Thị C tự nguyện quen biết, tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không còn hợp

nhau, không còn hạnh phúc, ông bà sống ly thân với nhau khoảng một năm nay, không có khả năng hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà C.

Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, ông và bà C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Dương Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Qua trích lục thông tin đăng ký kết hôn của ông Lưu Vĩnh T và bà Dương Thị C tại Ủy ban nhân dân thị trấn VTT và Ủy ban nhân dân xã BT thì được biết ông T và bà C không có đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông T và bị đơn bà C vắng mặt, riêng ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà C. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu giải quyết về ly hôn đối với bị đơn bà C, bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện CP, tỉnh An Giang nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp ly hôn” và Tòa án nhân dân huyện CP có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (gọi tắt là Bộ luật Tố tụng Dân sự).

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Xét thấy ông T và bà C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lưu Vĩnh T và bà Dương Thị C.

Tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 quy định:

“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ...”

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Ông T khai không có, không yêu cầu giải quyết, bà C không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Ông T không yêu cầu giải quyết, bà C không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Do ông T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông T đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lưu Vĩnh T và bà Dương Thị C.

- Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Lưu Vĩnh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0000379 ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP nên ông T không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. CP;
- Chi cục THA DS H. CP;
- Dương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Dương Thùy Dung